

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (đến ngày 23/4/2024)
Ông Đoàn Quốc Khánh	Thành viên (từ ngày 23/4/2024)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/3/2024)
Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2024)

**Ban Kiểm soát**

Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban (đến ngày 23/4/2024)
Bà Trần Thái Thoại Trân	Trưởng Ban (từ ngày 23/4/2024)
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Ông Trương Anh Vũ	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 3 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2024

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>282.478.306.777</b>	<b>1.087.144.663.626</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>33.594.425.110</b>	<b>618.962.235.939</b>
Tiền	111		33.594.425.110	92.062.235.939
Các khoản tương đương tiền	112		-	526.900.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>174.000.000.000</b>	<b>270.100.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	174.000.000.000	270.100.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.901.291.206</b>	<b>189.499.839.279</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	2.879.488.557	2.035.948.436
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	47.987.194.081	187.858.182.045
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	6.994.683.568	3.565.783.798
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(3.960.075.000)	(3.960.075.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.870.000</b>	<b>37.870.000</b>
Hàng tồn kho	141		37.870.000	37.870.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.944.720.461</b>	<b>8.544.718.408</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		202.967.617	70.451.015
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.665.636.362	4.262.889.860
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17(a)	11.076.116.482	4.211.377.533

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>3.589.866.959.255</b>	<b>2.172.193.736.583</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.740.800.494</b>	7.293.803.865
Tài sản cố định hữu hình	221	14	6.653.688.239	7.165.761.278
<i>Nguyên giá</i>	222		52.163.271.431	52.163.271.431
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.509.583.192)	(44.997.510.153)
Tài sản cố định vô hình	227		87.112.255	128.042.587
<i>Nguyên giá</i>	228		686.582.000	686.582.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(599.469.745)	(558.539.413)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>787.528.675.350</b>	121.179.086.173
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	787.528.675.350	121.179.086.173
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>2.795.411.318.057</b>	2.043.505.433.408
Đầu tư vào công ty con	251		2.623.904.636.965	1.872.011.636.965
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		238.833.528.842	238.833.528.842
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(97.088.760.077)	(97.101.644.726)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>186.165.354</b>	<b>215.413.137</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		186.165.354	215.413.137
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.872.345.266.032</b>	<b>3.259.338.400.209</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*


**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

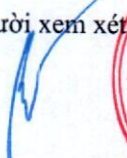
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>827.438.348.970</b>	<b>277.090.989.534</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>827.438.348.970</b>	<b>277.090.989.534</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	94.310.430.283	27.010.706.306
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.893.000	1.469.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	102.309.798	3.042.292.002
Phải trả người lao động	314		947.965.715	1.164.592.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		400.861.996	270.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	680.377.988.363	193.224.868.189
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	2.347.457.280	2.232.994.560
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	47.481.442.535	48.675.643.465
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.044.906.917.062</b>	<b>2.982.247.410.675</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	21	<b>3.044.906.917.062</b>	<b>2.982.247.410.675</b>
Vốn cổ phần	411	21	2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		396.702.829.230	396.702.829.230
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	80.559.835.691	96.318.310.288
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		442.728.142.141	364.310.161.157
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		380.068.635.752	230.363.127.084
- LNST kỳ này/năm nay	421b		62.659.506.389	133.947.034.073
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.872.345.266.032</b>	<b>3.259.338.400.209</b>

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập:

  
 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

Người xem xét:

  
 Nguyễn Đức Nam  
 Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

  
 Đoàn Quốc Khánh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02a- DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024	30/6/2023	30/6/2024	30/6/2023
		VND	VND	VND	VND
01	25	975.479.357	982.470.505	1.900.202.832	1.867.426.437
11	26	661.284.407	610.440.775	1.191.418.429	1.174.494.018
<b>20</b>		<b>314.194.950</b>	<b>372.029.730</b>	<b>708.784.403</b>	<b>692.932.419</b>
21	27	68.682.861.120	78.841.388.277	75.349.370.914	93.543.375.681
22	28	272.911.574	839.870.436	(12.884.649)	130.991.037
26	29	6.038.861.163	6.699.740.579	13.740.313.533	14.691.373.332
<b>30</b>		<b>62.685.283.333</b>	<b>71.673.806.992</b>	<b>62.330.726.433</b>	<b>79.413.943.731</b>
31	30	353.327.439	259.460.727	804.074.240	767.540.281
32	31	52.886.277	525.410.733	475.294.284	1.712.816.285
<b>40</b>		<b>300.441.162</b>	<b>(265.950.006)</b>	<b>328.779.956</b>	<b>(945.276.004)</b>
<b>50</b>		<b>62.985.724.495</b>	<b>71.407.856.986</b>	<b>62.659.506.389</b>	<b>78.468.667.727</b>
51	33	-	-	-	-
52	33	-	-	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a- DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
60		62.985.724.495	71.407.856.986	62.659.506.389
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>				<b>78.468.667.727</b>

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:

Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>62.659.506.389</b>	<b>78.468.667.727</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	553.003.371	693.461.146
Các khoản dự phòng	03	101.578.071	245.453.757
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(75.349.370.914)	(93.095.993.774)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(12.035.283.083)</b>	<b>(13.688.411.144)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(9.263.460.682)	4.261.315.116
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	492.651.263.522	16.574.038.949
Biến động chi phí trả trước	12	(103.268.819)	166.860.754
		<b>471.249.250.938</b>	<b>7.313.803.675</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.083.001.439)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.194.200.930)	(1.081.911.906)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>465.972.048.569</b>	<b>6.231.891.769</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(467.795.442.092)	(14.233.213.200)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	204.545.455
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(130.000.000.000)	(300.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	226.100.000.000	665.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(751.893.000.000)	(351.900.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	72.248.582.694	95.880.292.123
Tiền thu từ sáp nhập		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.051.339.859.398)</b>	<b>94.951.624.378</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(585.367.810.829)	101.183.516.147
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	618.962.235.939	26.073.122.145
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	33.594.425.110	127.256.638.292

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập:


  
Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:

  
Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



  
Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty có 32 nhân viên (1/1/2024: 33 nhân viên).

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của công ty mẹ.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.612.712	4.488.719
Tiền gửi ngân hàng	33.591.812.398	92.057.747.220
Các khoản tương đương tiền	-	526.900.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>33.594.425.110</b>	<b>618.962.235.939</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	174.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	210.100.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	-
	<hr/>	<hr/>
	174.000.000.000	270.100.000.000
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

		30/6/2024			Giá trị hợp lý VND		
		Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết		Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
	▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
	▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	-	51,00%	51,00%	1.479.153.000.000	-	(**)
					2.623.904.636.965	-	
<b>Công ty liên kết</b>							
	▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
	▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
	▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
	▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(27.277.844.998)	(**)
	▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(42.901.519.444)	(**)
					238.833.528.842	(74.793.947.750)	
<b>Đơn vị khác</b>							
	▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
	▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(**)
	▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
					29.761.912.327	(22.294.812.327)	
					2.892.500.078.134	(97.088.760.077)	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2024

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	727.260.000.000	-	(**)
					1.872.011.636.965		

**Công ty liên kết**

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng
- Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng
- Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (\*)
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung

Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(27.580.785.059)	(**)
Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(42.611.464.032)	(**)
				238.833.528.842	(74.806.832.399)	

**Đơn vị khác**

- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu
- Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt
- Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương

Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(**)
Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
				29.761.912.327	(22.294.812.327)	
				2.140.607.078.134	(97.101.644.726)	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	370.752.961	177.277.680
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	80.185.740	139.955.959
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.321.707.441	1.269.707.441
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	867.842.415	210.007.356
	2.879.488.557	2.035.948.436

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	28.239.929.457	122.195.632.115
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt (*)	-	20.949.748.627
Công ty Cổ phần Công nghệ SMOSA Việt Nam (*)	13.706.216.084	13.706.216.084
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng (*)	2.319.973.540	25.867.523.065
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.319.973.540	1.417.987.154
	47.987.194.081	187.858.182.045

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Đây là khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng thiết kế và xây dựng Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án”) tại huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

**12. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.328.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.486.178.083	1.185.389.863
Phải thu người lao động	849.738.843	623.112.310
Phải thu khác	1.329.966.642	1.228.481.625
	<hr/>	<hr/>
	6.994.683.568	3.565.783.798
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2024		1/1/2024			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>						
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS (*)	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	-	239.000.000	(239.000.000)	-
	<u>3.960.075.000</u>	<u>(3.960.075.000)</u>	<u>-</u>	<u>3.960.075.000</u>	<u>(3.960.075.000)</u>	<u>-</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(3.960.075.000)

(3.960.075.000)

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	45.411.891.461	1.649.915.378	4.775.363.138	326.101.454	52.163.271.431
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	45.411.891.461	1.649.915.378	4.775.363.138	326.101.454	52.163.271.431
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	39.671.999.180	1.468.704.160	3.530.705.359	326.101.454	44.997.510.153
Khấu hao trong kỳ	308.905.125	27.185.862	175.982.052	-	512.073.039
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	39.980.904.305	1.495.890.022	3.706.687.411	326.101.454	45.509.583.192
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	5.739.892.281	181.211.218	1.244.657.779	-	7.165.761.278
Số dư cuối kỳ	5.430.987.156	154.025.356	1.068.675.727	-	6.653.688.239

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 28.845 triệu VND (1/1/2024: 28.719 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Số dư đầu kỳ	121.179.086.173	10.271.530.741
Tăng trong kỳ	666.349.589.177	110.907.555.432
Số dư cuối kỳ	787.528.675.350	121.179.086.173

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án bò thịt Tam Đảo	729.658.306.123	85.652.152.713
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	55.205.714.682	32.862.278.915
Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà vilico Tower	2.664.654.545	2.664.654.545
	787.528.675.350	121.179.086.173

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	55.272.644	1.359.900
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	-	22.922.737.736
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	18.436.726.312	2.560.507.506
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng thương mại Đại Dũng	66.376.234.636	-
Công ty cổ phần đầu tư Quốc Việt	7.406.937.888	-
Khác	2.035.258.803	1.526.101.164
	94.310.430.283	27.010.706.306

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.782.061.680	3.480.393.109	-	5.262.454.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.176.384.728	4.083.001.439	-	5.259.386.167
Thuế nhà đất	1.252.931.125	-	(698.655.599)	554.275.526
	<b>4.211.377.533</b>	<b>7.563.394.548</b>	<b>(698.655.599)</b>	<b>11.076.116.482</b>

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.183.829.839	1.459.115.716	(3.620.387.649)	22.557.906
Thuế thu nhập cá nhân	201.683.155	492.406.542	(629.881.237)	64.208.460
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.008	5.610.311.728	(6.251.547.304)	15.543.432
	<b>3.042.292.002</b>	<b>7.561.833.986</b>	<b>(10.501.816.190)</b>	<b>102.309.798</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Kinh phí công đoàn	24.452.020	153.579.880
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.000.000	43.300.000
Nhận tiền tạm ứng từ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (*)	674.435.805.533	177.949.005.870
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.865.730.810	15.078.982.439
	<b>680.377.988.363</b>	<b>193.224.868.189</b>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Theo thỏa thuận khung về đầu tư được ký kết ngày 5 tháng 9 năm 2022 giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, Sojitz Corporation (Nhà đầu tư của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty), và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (Công ty con của Tổng Công ty), Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP sẽ là chủ đầu tư của dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án”) tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc. Trong giai đoạn đầu tư tiếp theo, sau khi việc xây dựng dự án được hoàn thành và Dự án đáp ứng đủ điều kiện để chuyển nhượng, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP dự kiến chuyển nhượng Dự án cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Phần vốn góp để thực hiện dự án là phần vốn góp chung của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Đây là khoản tiền Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật tạm ứng trước theo thỏa thuận cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP để thực hiện Dự án.

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biên động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	48.675.643.465	42.415.252.858
Trích lập trong kỳ	-	3.923.433.387
Sử dụng trong kỳ	(1.194.200.930)	(1.081.911.908)
Số dư cuối kỳ	47.481.442.535	45.256.774.337

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	1.723.461.730.000	236.741.977.230	80.559.835.691	333.770.830.884	2.374.534.373.805
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	78.468.667.727	78.468.667.727
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.846.866.772	(7.846.866.772)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.923.433.385)	(3.923.433.385)
Tăng/(giảm) do sáp nhập	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	1.723.461.730.000	236.741.977.230	88.406.702.463	400.469.198.454	2.449.079.608.147
<b>Số dư tại ngày 1/1/2024</b>	2.124.916.110.000	396.702.829.230	96.318.310.288	364.310.161.157	2.982.247.410.675
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	62.659.506.389	62.659.506.389
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	(15.758.474.597)	15.758.474.597	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(2)	(2)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	2.124.916.110.000	396.702.829.230	80.559.835.691	442.728.142.141	3.044.906.917.062

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC ĐHCĐ/2024 ngày 23 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty trích không trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2023. Do đó năm 2024 Tổng công ty điều chỉnh giảm số quỹ đã trích tương ứng số tiền: 15.758.474.597 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 7.846.866.772 VND) và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 3.923.433.385 VND. Năm 2024 Tổng công ty tạm thời chưa trích quỹ khen thưởng phúc.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.458.241.705	2.889.277.638
Từ hai đến năm năm	35.737.549.017	9.221.817.941
Trên năm năm	265.873.694.876	32.119.055.327
	<b>312.069.485.598</b>	<b>44.230.150.906</b>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ	1.900.202.832	1.867.426.437

**26. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.191.418.429	1.174.494.018

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Cổ tức được chia	67.029.971.000	65.229.971.000
Lãi tiền gửi và cho vay	8.319.399.914	28.313.404.681
	75.349.370.914	93.543.375.681

**28. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính	(12.884.649)	130.991.037

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.068.097.689	4.679.242.476
Chi phí khấu hao	222.662.382	233.259.882
Thuế, phí và lệ phí	5.019.242.695	1.447.858.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.318.964.585	2.074.934.026
Chi phí bằng tiền khác	1.111.346.182	6.256.078.547
	<b>13.740.313.533</b>	<b>14.691.373.332</b>

**30. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	204.545.455
Thu nhập khác	804.074.240	562.994.826
	<b>804.074.240</b>	<b>767.540.281</b>

**31. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	100.524.717	164.844.470
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	651.927.362
Chi phí khác	374.769.567	896.044.453
	<b>475.294.284</b>	<b>1.712.816.285</b>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.068.097.689	4.679.242.476
Chi phí khấu hao	452.478.654	502.827.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.318.964.585	4.339.386.302
Chi phí khác	7.092.191.034	6.326.910.752

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.659.506.389	78.468.667.727
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	12.531.901.277	15.693.733.545
Chi phí không được khấu trừ	152.658.857	262.538.002
Thu nhập không bị tính thuế	(13.045.994.200)	(13.045.994.200)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.910.277.347)	(2.910.277.347)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	721.434.066	-
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	383.322.343	316.931.220
Cổ tức được chia	65.229.971.000	65.229.971.000
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	179.143.779	184.211.769
Góp vốn	751.893.000.000	351.900.000.000
Mua thành phẩm	53.912.744	
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	450.000.000	628.942.308
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương và thù lao	312.000.000	312.000.000

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các thuyết minh liên quan. Thông tin so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và các thuyết minh liên quan. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc